

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN TỪ ĐẦU THẬP NIÊN 90 CỦA THẾ KỶ XX ĐẾN NAY

TRẦN ANH PHƯƠNG*

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay nhìn chung vẫn đạt sự tăng trưởng đáng kể, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của cả hai nước, đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để khai thác tốt hơn nữa quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, hai nước đều phải có những giải pháp nỗ lực hợp tác phát triển, phù hợp với tiềm năng và nhu cầu của cả hai nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế hiện nay.

THÔNG qua việc phân tích về động thái tiến triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trên các lĩnh vực thương mại, du lịch, đầu tư và viện trợ phát triển chính thức (ODA) từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, bài viết này sẽ phản ánh thực trạng và triển vọng của mối quan hệ đó. Đây cũng là việc làm góp phần vào các hoạt động hướng tới kỷ niệm 33 năm ngày thiết lập chính thức quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản (21-9-1973 - 21-9-2006).

1 - Hợp tác thương mại

Kể từ đầu những năm 90 cho đến năm 1998, động thái tiến triển kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Nhật Bản vẫn liên tục phát triển mạnh, năm sau tăng cao hơn năm trước. Từ năm 1999 đến 2002 đã có sự khác trước, đó là sự tăng trưởng nhưng không đều. Cụ thể, năm 1999 kim ngạch xuất nhập khẩu Việt - Nhật chỉ đạt được 3,262 tỉ USD, giảm 18% so với năm 1998. Thế nhưng năm 2000 lại là năm tăng rất mạnh, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Nhật Bản đạt 4,87 tỉ USD, vượt 49,3% so với năm 1999.

Thực trạng phát triển khả quan trên khiến cho từ đầu thập niên 1990 đến nay, Nhật Bản đã luôn là bạn hàng, thị trường lớn nhất của Việt Nam. Năm 2004, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 7,05 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 3,79 tỉ USD, tăng 16,6% so với năm 2003. Đến năm 2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đã tăng đáng kể, đạt 8,2 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là 4,56 tỉ USD, tăng hơn 20% so với năm 2004 và chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đây là lần đầu tiên xuất khẩu Việt Nam sang Nhật Bản tăng trên 20% kể từ năm 2000.

Về cơ cấu xuất nhập khẩu giữa hai nước: Việt Nam xuất khá nhiều mặt hàng, trong đó có các mặt hàng chủ lực là dầu thô, may mặc, hải sản, than đá, thủ công mỹ nghệ... Việt Nam nhập từ Nhật Bản chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất (chiếm trên

* TS, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

60% kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản năm 2005). Trong số các mặt hàng xuất khẩu của ta sang Nhật Bản, tôm đông lạnh là mặt hàng đang có nhiều lợi thế. Đồ gỗ xuất khẩu của ta vào thị trường Nhật Bản cũng đang là mặt hàng được bạn ưa thích, có xu hướng tăng nhanh, năm 2005 đã vượt Thái Lan, vươn lên vị trí thứ ba về thị phần ở Nhật Bản, sau Trung Quốc và Đài Loan.

Các hoạt động xuất nhập khẩu đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước, đặc biệt là với Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, so với nhu cầu và tiềm năng phát triển, quan hệ thương mại giữa hai nước vẫn chưa được khai thác triệt để. Trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản, hàng hóa Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ bé khoảng 0,6%, trong khi đó tỷ trọng của Trung Quốc là 12,4%, Thái Lan: 2,6%, Ma-lai-xi-a: 2,7%... Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản còn đơn điệu, chủ yếu là nguyên liệu thô và sản phẩm mới qua sơ chế (trên 50%). Nhật Bản đã và đang dành cho Việt Nam hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), tuy nhiên hàng Việt Nam vào thị trường Nhật vẫn hay gặp phải khó khăn là hệ thống kiểm tra phi thuế quan chặt chẽ, đặc biệt là các quy định khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh, kiểm dịch. Trong quan hệ song phương, hai nước đã dành cho nhau ưu đãi tối huệ quốc (MFN) về thuế, song khó khăn lớn nhất hiện nay đối với Việt Nam là phía Nhật Bản vẫn chưa đồng ý ký kết Hiệp định Thương mại tự do hoặc Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện với Việt Nam. Tuy nhiên khó khăn này đang được cả hai bên nỗ lực giải quyết. Từ ngày 16 đến 18-2-2006 tại Hà Nội, kỳ họp thứ nhất Nhóm nghiên cứu hỗn hợp Hiệp định hợp tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) diễn ra và đã thành công tốt đẹp. Vì thế, có thể trong tương lai gần, hai nước Việt - Nhật sẽ ký kết chính thức Hiệp định này, đồng thời một Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa hai nước cũng sẽ được hoàn tất ký

kết, khi đó Việt Nam có thể đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), mở ra một thời kỳ mới, tạo cơ hội và động lực cho sự phát triển quan hệ hợp tác kinh tế toàn diện giữa hai nước, trong đó hợp tác thương mại chắc chắn vẫn là lĩnh vực sẽ được tiếp tục phát triển mạnh mẽ, sôi động. Và do đó, mục tiêu phấn đấu đạt 10 tỉ USD kim ngạch xuất nhập khẩu Việt - Nhật như các nhà hoạch định chính sách của cả hai nước đã đề ra trong năm 2006 có thể sẽ trở thành hiện thực.

2 - Hợp tác du lịch

Hơn thập niên qua, lượng khách du lịch Nhật Bản đến Việt Nam ngày càng tăng nhanh. Năm 1990, lượng khách Nhật Bản du lịch Việt Nam mới có 1.390 người, nhưng đến năm 2002 con số đó là 279.769 người, tăng gấp hơn 20 lần. Liên tục trong 5 năm (2000 - 2005), tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt mức cao, trên 30%. Nhật Bản trở thành thị trường khách nước ngoài hàng đầu của du lịch Việt Nam về hiệu quả kinh tế và chỉ đứng sau Trung Quốc về lượng khách.

Tiềm năng và triển vọng của thị trường khách Nhật Bản du lịch vào Việt Nam còn rất lớn. Hằng năm, khách Nhật Bản có nhu cầu du lịch nước ngoài lên tới 17 - 18 triệu người, trong đó riêng đối với khu vực 10 nước ASEAN là khoảng 3,7 - 4 triệu người. Trong số đó, khách Nhật Bản đến Việt Nam mới chỉ trên dưới 0,3 triệu người. Điều này chứng tỏ thị trường này vẫn còn là tiềm năng rất lớn mà ngành du lịch Việt Nam cần tập trung mọi nỗ lực để khai thác. Tuy nhiên, du lịch Việt Nam còn có một số hạn chế, bất cập cần nhanh chóng khắc phục như giá cả thuê nhà ở và một số dịch vụ du lịch kèm theo còn quá cao so với mặt bằng giá khu vực, cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường ở một số địa phương có khu du lịch còn kém chất lượng và thiếu đồng bộ, hướng dẫn viên du lịch vừa thông thạo tiếng Nhật vừa giỏi về văn hóa du lịch vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng kịp nhu cầu của du khách.

Một trong những giải pháp quan trọng đang được ngành du lịch Việt Nam xúc tiến là khuyến khích các nhà đầu tư Nhật Bản thành lập các công ty liên doanh du lịch giữa hai nước. Ngoài ra, du lịch Việt Nam còn phối hợp với ngành thông tin - văn hóa và với nhiều cơ quan hữu quan khác của Việt Nam để tăng cường nhiều hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại thị trường Nhật Bản. Hy vọng mục tiêu đón 500.000 khách Nhật Bản trong một vài năm tới và đón 1 triệu khách Nhật Bản vào năm 2010 có thể trở thành hiện thực.

3 - Hợp tác đầu tư

Đầu tư của Nhật Bản (JDI) vào Việt Nam kể từ năm 1993, khi các tổ chức quốc tế nối lại việc cung cấp vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam (với nguồn cung cấp ODA lớn nhất là từ Nhật Bản). Tính đến cuối tháng 5-2002, Nhật Bản là nước đứng thứ 3 trong số các nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số 386 dự án được cấp phép, vốn đăng ký đạt 4,3 tỉ USD. Cần lưu ý, tuy Nhật Bản đứng thứ 3 về vốn đầu tư đăng ký tại Việt Nam, nhưng lại đứng đầu về vốn thực hiện (đạt 3,04 tỉ USD). Do đó, xét thực chất, đầu tư của Nhật Bản ngay từ năm 2002 đã ở vị trí số 1 tại Việt Nam và do đó đã có nhiều đóng góp trực tiếp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước, đặc biệt là với Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng như hoạt động thương mại, đầu tư trực tiếp của Nhật Bản ở Việt Nam chưa tương xứng với khả năng và nhu cầu của cả hai bên. Ngoài ra, đầu tư mới của Nhật Bản vào Việt Nam hiện đang gặp phải sự cạnh tranh mạnh của Trung Quốc và các nước trong khu vực. Chính vì thế, để đẩy mạnh hơn nữa dòng đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam, đòi hỏi cả hai bên đều phải nỗ lực tháo gỡ những khó khăn, ách tắc còn tồn đọng trong cơ chế, chính sách hợp tác đầu tư. Vấn đề này đã được đề cập ở Chương trình nghị sự của chính phủ hai nước. Trong chuyến đi thăm và làm việc tại Nhật Bản vào ngày 7-4-2003, Thủ tướng Việt Nam

Phan Văn Khải đã cùng Thủ tướng Nhật Bản J. Côi-du-mi quyết tâm thực hiện một Chương trình hành động mang tên: "Sáng kiến chung Nhật Bản - Việt Nam nhằm cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường sức cạnh tranh của Việt Nam" gọi tắt là "Sáng kiến chung Nhật Bản - Việt Nam". Tiếp đó, ngày 14-11-2003, tại Tô-ki-ô, đại diện của chính phủ hai nước đã ký kết Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Sự kiện quan trọng này đã mở ra triển vọng to lớn cho hợp tác đầu tư Nhật - Việt. Theo số liệu thống kê mới đây của Cơ quan Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), nếu như năm 2000, Việt Nam chỉ đứng thứ 8 trong danh sách đầu tư của Nhật Bản ra nước ngoài, thì đến năm 2005, Việt Nam đã đứng vị trí thứ 4 (sau Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan) và đứng thứ 2 trong những điểm đến của các công ty vừa và nhỏ Nhật Bản khi đầu tư ra nước ngoài (sau Trung Quốc). Đó là chưa kể Nhật Bản là nước thực hiện cam kết đầu tư cao nhất tại Việt Nam. Trong năm 2005, Nhật Bản đã có 97 dự án tại Việt Nam, với tổng số vốn là 400 triệu USD. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam, nếu chỉ tính riêng với các dự án còn hiệu lực cho đến ngày 31-12-2005, Nhật Bản đã đầu tư vào Việt Nam 600 dự án với tổng số vốn đầu tư lên tới gần 6,37 tỉ USD. Thực tiễn phát triển cho thấy, làn sóng đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam đang "nóng lên" hơn bao giờ hết khi Việt Nam sắp sửa gia nhập WTO và là nước chủ nhà Hội nghị APEC sắp tới. JETRO cũng đã nhận định, trong 5 - 10 năm tới, làn sóng đầu tư Nhật Bản sẽ chuyển dịch mạnh đến Việt Nam. Lý do cơ bản khiến cho nhiều nhà đầu tư Nhật Bản chọn Việt Nam làm địa điểm đầu tư là vì Việt Nam có thể chế chính trị - xã hội ổn định, nhịp độ tăng trưởng và phát triển kinh tế cao, lao động dồi dào, giá rẻ; Việt Nam và Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, có quan hệ hợp tác phát triển từ nhiều năm qua... Chính vì thế, sau khi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư mới ban hành của Việt Nam đã có hiệu lực thực thi kể từ ngày 1-7-2006 đồng

thời với việc chính phủ hai nước tiếp tục thực hiện giai đoạn hai "Sáng kiến chung Nhật Bản - Việt Nam" đã khiến cho làn sóng đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam càng trở nên sôi động hơn. Đó cũng là lý do chính khiến cho 30 tập đoàn lớn của Nhật Bản nằm trong tổng số khoảng 500 doanh giới đang đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, theo nhiều nhà đầu tư Nhật Bản, bản khoản lớn của họ vẫn là liệu môi trường đầu tư của Việt Nam có ổn định lâu dài và nhất là một số hạn chế, bất cập lâu nay tồn đọng có nhanh chóng được tháo gỡ như kết cấu hạ tầng của nhiều địa phương, địa bàn đầu tư quá yếu kém, thủ tục hành chính còn cồng kềnh, phiền hà, trong khi đó giá cả thuê đất, văn phòng, nhà xưởng, một số dịch vụ kèm theo cần thiết khác lại quá đắt so với giá tương quan chung khu vực... Những bản khoản này phản ánh một thực trạng còn yếu kém của môi trường đầu tư Việt Nam đã có từ nhiều năm qua, đòi hỏi các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách đầu tư của Việt Nam cần quan tâm cùng tìm giải pháp tháo gỡ.

4 - Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản

Vào cuối năm 1992, Nhật Bản là nước phát triển đầu tiên tuyên bố nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam và tích cực góp phần khai thông mối quan hệ của Việt Nam với các tổ chức tài chính quốc tế chủ chốt. Từ đó đến nay, mặc dù nền kinh tế Nhật Bản còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Chính phủ Nhật Bản luôn là nhà tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 40% tổng nguồn ODA của các nước và các tổ chức quốc tế cung cấp cho Việt Nam. Tính đến cuối năm 2005, tổng số ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam đã vượt qua con số 10 tỉ USD, trong đó trên 10% là viện trợ không hoàn lại, phần còn lại là các khoản tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp và thời gian tài trợ dài. Tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG) mới đây, một lần nữa, Nhật Bản lại khẳng định vị trí đứng đầu

với cam kết sẽ tài trợ ODA trong năm 2006 cho nước ta trị giá 835,6 triệu USD.

Thông qua các nguồn ODA, Nhật Bản đã giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Việc phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo của Việt Nam cũng đã được Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ tích cực. Hằng năm thông qua nguồn ODA từ nhiều quỹ tài chính khác nhau, Nhật Bản đã cung cấp một số lượng đáng kể học bổng để đào tạo đại học và sau đại học cho các sinh viên và cán bộ khoa học - kỹ thuật của Việt Nam. Một số lượng lớn chuyên gia và người tình nguyện Nhật Bản hiện đang hỗ trợ Việt Nam trong nhiều lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo.

Từ thực tiễn sử dụng ODA của Nhật Bản trong những năm qua, vấn đề quan trọng đặt ra cho Việt Nam hiện nay là cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng ODA, trong đó có việc giải ngân nguồn vốn này đang là quan tâm chung của cả hai phía, mà trách nhiệm trước hết là phía Việt Nam cần phần đầu thực hiện nghiêm chỉnh, đúng tiến độ thời gian và có kết quả cao. Mặc dù Nhật Bản còn rất nhiều khó khăn, thách thức cần vượt qua do vừa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài suốt hơn thập niên qua, song Chính phủ Nhật Bản đã khẳng định vẫn tiếp tục ưu tiên ODA cho các nước châu Á đang trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên vừa qua, trước vụ việc tiêu cực PMU 18, nhà tài trợ Nhật Bản cũng đã thể hiện rõ quan điểm: Nếu như phát hiện thấy có tiêu cực trong sử dụng ODA Nhật Bản mà Việt Nam không kiên quyết xử lý và khắc phục có hiệu quả thì sẽ xem xét lại để điều chỉnh, thậm chí có thể cắt giảm, vì ODA Nhật Bản về thực chất, như Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, ngài No-ri-o Hat-to-ri gần đây đã nhấn mạnh và chúng ta cũng đã quá rõ, đó chính là các nguồn thu từ thuế do người dân Nhật đóng góp... Từ đó cho thấy, chúng ta cần có quyết tâm cao và giải pháp tích cực hơn nữa về vấn

đề này mới có thể giữ được niềm tin của người Nhật trong việc tiếp tục thực hiện chính sách ODA ưu tiên cho Việt Nam.

5 - Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản

Qua sự phân tích, lý giải ở những nét chung nhất về động thái tiến triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, có thể rút ra nhận xét: mặc dù vẫn còn một số hạn chế, bất cập như đã đề cập đến trong các hoạt động hợp tác phát triển kinh tế giữa hai nước, song về cơ bản động thái tiến triển của các hoạt động đó là sự tăng trưởng và phát triển khả quan. Một số hạn chế, bất cập đó không phải là do vị trí, vai trò của mối quan hệ này bị suy giảm mà chủ yếu là do phía Nhật Bản và bối cảnh kinh tế khu vực Đông Á có nhiều khó khăn trong thời gian qua. Ngoài ra, do nguyên nhân từ cơ chế, chính sách phối hợp giữa hai nước còn có những điểm chưa thống nhất; và một lý do khác riêng về phía Việt Nam cần nhanh chóng khắc phục, đó là môi trường, thể chế, trình độ phát triển kinh tế thị trường còn thấp... Thực tế cho thấy, nếu chỉ xét riêng về khía cạnh chính trị đối ngoại thì quan hệ Việt Nam - Nhật Bản những năm gần đây có thể nói là đã phát triển rất khả quan. Kết quả của các chuyến viếng thăm và làm việc liên tục giữa các nguyên thủ quốc gia hai nước kể từ năm 2002 đến nay đều rất tốt đẹp đã khẳng định thêm tầm cao mới của mối quan hệ đó. Đặc biệt, hàng loạt hoạt động thiết thực kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản trong năm 2003 và cho đến nay là những minh chứng về sự phát triển tốt đẹp của quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Chính vì thế, trong tương lai không xa, nếu Nhật Bản ký với Việt Nam Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện (VJEP) và do đó, một Hiệp định tự do thương mại song phương (FTA) giữa hai nước cũng được hoàn tất ký kết thì khi đó, quan hệ thương mại giữa hai nước sẽ có thêm điều kiện phát triển tốt đẹp hơn. □

Thế giới thứ ba...

(Tiếp theo trang 67)

mẫu của các nước phát triển đã không thể phù hợp và ít mang lại những điều tốt lành. Không thể có những phương án chung cho mọi nước trên lộ trình hội nhập. Thế giới thứ ba đang tìm tòi một cách đi riêng của mình. Thành công trên thực tế đang khích lệ họ.

Cũng còn không ít vấn đề đang đặt ra trước con đường phát triển của thế giới thứ ba. Hầu hết các nước thế giới thứ ba đều thiếu vốn, công nghệ và tri thức quản lý... cho quá trình phát triển. Vay mượn của các nước phát triển thuộc phương Tây hay các tổ chức quốc tế nắm giữ những tài nguyên này là giải pháp thường thấy. Hệ quả tích cực ban đầu có thể chỉ ra bằng những con số biểu đạt sự tăng trưởng kinh tế, thậm chí có thể là "tăng trưởng nóng". Song còn có một kinh nghiệm cay đắng khác cần được chỉ ra trong quá trình các nước thế giới thứ ba đối diện với "chủ nghĩa tự do mới". Đó là *những khoản đầu tư hàng tỉ đô-la... chỉ là một phương tiện để biến đất nước ấy thành con nợ vĩnh viễn và bằng cách đó quay trở lại chế độ phụ thuộc*. Làm thế nào để tận dụng được những thành tựu của văn minh nhân loại, những thời cơ phát triển mà không bị lệ thuộc về kinh tế, bị lôi kéo vào những mưu mô của các cường quốc trên "bàn cờ lớn"?

Các nước lớn hiện nay vẫn còn theo đuổi những mô hình mà theo họ là "hợp lý" cho trật tự thế giới mới. Sai lầm cũ của thế giới thứ nhất: quên mất vai trò của thế giới thứ ba trong trật tự thế giới mới đã là nhân tố cản trở quá trình tái tạo này. Thế giới thứ nhất - chủ nghĩa tư bản - vẫn còn những ưu thế và có khả năng tác động đến nhiều nước của thế giới thứ ba. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ có quyền định đoạt tương lai cho thế giới này. Đấu tranh cho độc lập, bình đẳng thực sự vẫn là một mục tiêu mà các nước thế giới thứ ba đang hướng tới. □